TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 21-8-2020
"Vv: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông Lương Viết Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân
Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Xuân Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P: Bà Hoàng Thị Thùy - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- DS ngày 14/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Khu 6 xã HX, huyện TT, tỉnh P. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn V**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Khu 6 xã ĐL cũ, nay là khu 11 xã ĐT, huyện TT, tỉnh P. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án anh Nguyễn Kim T trình bày: Ngày 19/10/2017 anh có cho ông Đoàn Văn V vay khoản tiền 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu) do quen biết nên anh không tính lãi suất, hẹn ngày 20/11/2017 sẽ trả cho anh. Giấy biên nhận do ông V viết và ký, có điểm chỉ vào phần người vay. Khi vay ông V nói chỉ vay nóng nên có viết là mua hộ 05 chiếc xe máy, tuy nhiên đây là khoản tiền vay chứ không phải nhờ mua xe máy. Đã quá thời hạn nhiều lần anh đòi nhưng ông V không trả nay đề nghị Tòa án buộc ông V phải trả cho anh khoản tiền trên, anh không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết Tòa án đã thông báo cho ông V đến quyết tuy nhiên ông đều vắng mặt không có lý do.

Qua làm việc tại UBND xã ĐT xác định: Ông V có Hộ khẩu thường trú và sinh

sống tại địa phương, không làm thủ tục chuyển khẩu đi đâu, ở cùng anh Đoàn Mạnh Hùng là con trai ông V.

Tòa án đã làm việc cùng anh Đoàn Mạnh Hùng là con trai của ông V, anh Hùng cho biết hiện tại bố anh đi làm tự do, nên không đến Tòa án làm việc được, những văn bản tố tụng anh nhận và đều thông báo cho ông V. Quan điểm của ông V là chỉ nợ anh T 75.000.000đ chứ không nợ 150.000.000đ như anh T khởi kiện.

Kiểm sát viên VKSND huyện TT phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án(có bài phát biểu kèm theo):

1.Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Kim T; Xử buộc ông Đoàn Văn V phải trả cho anh Nguyễn Kim T số tiền 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thánh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy đinh tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông V đến tham gia nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. HĐXX căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật áp dụng: giao dịch này diễn ra khi BLDS 2015 đã có hiệu lực pháp luật, vì vậy HĐXX áp dụng những quy định của Bộ luật này làm căn cứ giải quyết.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Ngày19/10/2017 ông Đoàn Văn V có viết giấy biên nhận, nhận khoản tiền 150.000.000đ(một trăm năm mươi triệu đồng) của anh T, giấy viết tay không công chứng, chứng thực, không tính lãi suất, hẹn ngày 20/11/2017 sẽ trả cho anh T. Giấy biên nhận do ông V viết và ký, có điểm chỉ vào phần người vay. Trong giấy thể hiện là mua hộ 05 chiếc xe máy hiệu Air Blade. Anh T xác định đây là việc anh cho ông V vay tiền, không phải mua hộ xe. Ông V thông qua anh Hùng là con trai xác định đây là việc vay nợ, là khoản tiền vay chứ không phải nhờ mua xe máy; số tiền là vay là 75.000.000đ không phải 150.000.000đ như anh T yêu cầu.

Quá hạn trả nợ anh T đòi nhưng ông V không trả, nay anh T đề nghị Tòa án buộc ông V phải trả cho anh khoản tiền trên, anh không yêu cầu tính lãi.

HĐXX thấy rằng: Xét về hình thức của giao dịch: Giấy biên nhận tiền của ông V với anh T được thể hiện bằng văn bản, thể hiện ý chí của bên giao tiền và nhận tiền, ông

V có ký tên, viết ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào phần người nhận tiền. Căn cứ vào Điều 463, 470 BLDS 2015, HĐXX xác định đây là một Hợp đồng vay tài sản, loại hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi, là một giao dịch đúng quy định pháp luật giữa ông V và anh T.

Xét về nội dung giao dịch: Giấy biên nhận thể hiện là mua hộ 05 chiếc xe máy nhưng thực tế là anh T cho ông V vay tiền, khoản tiền là 150.000.000đ. Ông V không có mặt tại Tòa án giải quyết, tuy nhiên Tòa án đã trưng cầu Giám định chữ viết và chữ ký trong "Biên nhận tiền" với các mẫu so sánh của ông V. Bản Kết luận giám định số 725/KLGĐ -2020 ngày 21/7/2020 của Phòng KTHS công an tỉnh P đã xác định: chữ viết và chữ ký trong "***Giấy biên nhận***" tiền và chữ ký, chữ viết trong mẫu vật gửi giám định(***gồm Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về việc Kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ; Biên bản Hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải thành, Biên bản giao nhận Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và Hòa giải thành)*** của ông V trong hồ sơ ly hôn cùng bà Hiển năm 2017 là do một người viết và ký ra. Như vậy khẳng định việc ông V có vay anh T khoản tiền trên là đúng, số tiền bằng số và bằng chữ thể hiện: là 150.000.000đ*(một trăm năm mươi triệu đồng)".* Việc ông V thông qua anh Hùng nói chỉ vay 75.000.000đ là không có căn cứ chứng minh.

Vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T buộc ông V phải trả khoản tiền gốc 150.000.000đ cho anh T là phù hợp. Anh T không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh T. Về chi phí Giám định anh T nhận chịu và không yêu cầu Tòa án hạch toán trong bản án.

[3] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điều 273; Điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, Điều 463; Khoản 1, Điều 466; Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:***

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Kim T; Xử buộc ông Đoàn Văn V phải trả cho anh Nguyễn Kim T số tiền 150.000.000đ*(một trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật,người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thánh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy đinh tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Đoàn Văn V phải chịu 7.500.000đ(*bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Kim T số tiền 3.000.000đ*(ba*

triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2017/0001701 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

3. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15ngày kể từ ngày tuyên án Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để xét xử phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú lên TAND tỉnh P để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT;
- THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú